

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **89/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/07/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thanh Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Hoàng Thị Hương.**

2. Ông Nguyễn Quang Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Phạm Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Ngọc Chiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/07/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2026/TLST-HN về vụ việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2026/QĐXXST-HN ngày 16/06/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST-HN ngày 06/07/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Ông Nguyễn Quang B;** sinh năm 1992; CCCD số: 001092050313. Nhân khẩu thường trú: Số D ngách A N, phường Y, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số E ngõ H N, phường L, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** **Bà Nguyễn Thị Vân A,** sinh năm 1990; CCCD số: 001190100084. Nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Số B ngách B ngõ C T, phường Đ, thành phố Hà Nội.

(Đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/04/2026, bản tự khai nộp cho Tòa án và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Quang B trình bày:**

- **Về tình cảm, quan hệ hôn nhân:** ông B và bà Vân A tự nguyện kết hôn vào ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại Ủy Ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội và chung sống với nhau từ đó. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống tại nhà bố mẹ ông B được một thời gian, sau đấy thì chuyển sang nhà bố mẹ bà Vân A ở. Đến tháng 8/2022, ông bà quay về sống tại nhà bố mẹ ông B. Đến 2024, bố mẹ ông B mua cho tôi căn nhà tại D ngách A N, Cầu G, Hà Nội. Ông bà ở đấy cho đến gần Tết năm 2025 thì bố mẹ ông B bán nhà, ông bà đi thuê nhà ở gần đấy tại địa chỉ nhà số F ngách B ngõ C T, phường Đ, Hà Nội. Hiện tại bà Vân A – vợ ông B và hai con vẫn đang sinh sống tại địa chỉ này. Từ trước đến nay do tính chất công việc nên ông B ở đơn vị nhiều hơn ở nhà. Từ lúc

bà Vân A có bầu cháu thứ hai là cháu H, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn do thường xảy ra mâu thuẫn, tính cách của hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và bà Vân A không tôn trọng ông B, gia đình ông B, những việc chung của gia đình phía bên nhà ông B, bà Vân A cho rằng đây là việc của ông B thì ông phải tự lo, bà Vân A gọi điện cho chỉ huy của ông B cho rằng ông có quan hệ ngoài luồng dẫn đến ảnh hưởng cuộc sống hôn nhân khiến uy tín, danh dự của ông B tại đơn vị bị ảnh hưởng bởi những thông tin sai lệch này. Về vấn đề kinh tế, thời điểm mới kết hôn, thu nhập hàng tháng của ông B chưa cao, bà Vân A cho rằng điều này làm xấu mặt bà Vân A với bạn bè của bà vì thu nhập chồng thấp.

Vì những lý do trên, tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách, mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn. Khi vợ chồng mâu thuẫn, bố mẹ gia đình hai bên có gọi điện khuyên ông B hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông không đồng ý vì cảm thấy sống chung không có tình cảm bị áp lực.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là: Cháu: Nguyễn Minh K; giới tính: Nữ; sinh ngày 25/07/2022 và cháu: Nguyễn Quang H; giới tính: Nam; sinh ngày 25/10/2024. Khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định, đầy đủ điều kiện phát triển tốt nhất cho con, ông B đề nghị Tòa án giao hai cháu Nguyễn Minh K và Nguyễn Quang H cho mẹ là bà Nguyễn Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi hai cháu trưởng thành. Ông B được quyền qua lại, thăm nom các cháu mà không bị ai ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 8.000.000 đồng/tháng cho 02 cháu kể từ tháng thời điểm làm đơn ly hôn cho đến khi các con thành niên khỏe mạnh hoặc có sự thay đổi khác.

- **Về tài sản chung:** Ông bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong bản tự khai nộp cho Tòa án và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:**

- **Về tình cảm:** Thời gian và điều kiện kết hôn như ông B trình bày là đúng. Hai vợ chồng tự nguyện kết hôn vào ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại Ủy Ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội và chung sống với nhau từ đó. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống tại nhà bố mẹ ông B được một thời gian, sau đây thì chuyển sang nhà bố mẹ bà Vân A ở. Đến tháng 8/2022, ông bà quay về sống tại nhà bố mẹ ông B. Đến 2024, bố mẹ chồng ông B mua cho ông B căn nhà tại D ngách A N, Cầu G, Hà Nội. Ông bà ở đây cho đến gần Tết năm 2025 thì bố mẹ ông B bán nhà, ông bà đi thuê nhà ở gần đây tại địa chỉ nhà số F ngách B ngõ C T, phường Đ, Hà Nội. Hiện tại bà Vân A và hai con vẫn đang sinh sống tại địa chỉ này. Nay ông B xin ly hôn bà Vân A không đồng ý vì theo bà Vân A, mâu thuẫn giữa ông bà chưa đến mức phải ly hôn, mâu thuẫn có thể khắc phục được.

Đối với việc ông B trình bày không còn tình cảm với bà Vân A là vì ông B thường xuyên vắng nhà dẫn đến việc tình cảm với vợ con nhạt dần. Khi mẹ bà

Vân A và em trai bà Vân A gọi điện cho ông B khuyên nhủ nhưng ông B đều từ chối và không nghe máy, gia đình ông B từ chối việc hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì ông B thường xuyên đi công tác xa nhà nên bà Vân A không có cơ hội để hàn gắn và kết nối tình cảm vợ chồng với ông B. Đối với những việc ông B trình bày, bà Vân A đã xin lỗi ông B và gia đình ông B. Nay bà Vân A đề nghị Tòa án hòa giải để con bà Vân A có bố và được sống trong gia đình hạnh phúc có cả bố và mẹ yêu thương. Hiện tại, bà Vân A vẫn chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì bà Vân A có nói chuyện hàn gắn với ông B thì ông B cũng không đồng ý và cũng không về nhà. Ngoài nguyên nhân trên, thì bà Vân A cũng không biết còn nguyên nhân nào khác dẫn đến việc ông B muốn ly hôn với bà Vân A. Bà Vân A và ông B đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là: Cháu: Nguyễn Minh K; giới tính: Nữ; sinh ngày 25/07/2022 và cháu: Nguyễn Quang H; giới tính: Nam; sinh ngày 25/10/2024. Việc ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 8 triệu/tháng cho 02 cháu, bà Vân A không ý kiến gì bởi vì bà Vân A nghĩ sẽ không đủ, còn lại tùy lương tâm người làm bố như ông B.

- **Về tài sản chung:** Ông bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết: Xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Vân A sinh sống thể hiện: “Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1992 hiện đang ăn ở tại địa chỉ: Số H ngõ G B, phường K, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa chỉ trên chị B1 và anh Đ chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như nào thì địa phương không xác định được. Hiện nay, chị B1 và anh Đ đã không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị B1 có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Về con chung: Quá trình chung sống, chị B1 và anh Đ có 03 con chung là cháu Bùi Lê Phương D, sinh ngày 23/10/2019; Bùi Lê Phương U, sinh ngày 03/10/2022; Bùi Lê Anh T, sinh ngày 24/9/2023. Hiện các cháu đang ở với mẹ. Về tài sản chung và nợ chung: Không nắm rõ”.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Quang B giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị Vân A vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên không thể tiếp tục chung sống, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn tình cảm, không có sự liên kết. Về con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/7/2022, giới tính: Nữ; Nguyễn Quang H, sinh ngày 25/10/2024, giới tính: Nam. Khi ly hôn ông B đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Vân A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu trưởng thành, khỏe mạnh. Ông B tự nguyện cấp dưỡng số tiền nuôi con là 8.000.000 đồng/tháng/2 cháu (mỗi cháu 4.000.000/tháng) kể từ tháng thời điểm làm đơn ly hôn cho đến khi các con thành niên khỏe mạnh hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở và vay nợ chung: Chị B1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị Vân A không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn

Quang B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội phát biểu:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Quang B đối với chị Nguyễn Thị Vân A. Xử cho anh B được ly hôn với chị Vân A.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/7/2022, giới tính: Nữ; Nguyễn Quang H, sinh ngày 25/10/2024, giới tính: Nam. Cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), khỏe mạnh hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận việc anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng/ 2 cháu.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung và vay nợ chung: Anh chị trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 của Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, bị đơn chị Nguyễn Thị Vân A đang ở tại: Số B ngách B ngõ C T, phường Đ, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “Tranh chấp ly hôn” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét quan hệ hôn nhân, giữa anh Nguyễn Quang B và chị Nguyễn Thị Vân A tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn số 08 ngày 17 tháng 05 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội), đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo lời trình bày của anh B, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, chị Vân A không tôn trọng anh và gia đình anh, có những hành vi, lời nói làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của anh tại đơn vị công tác; đồng thời giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Chị Vân A không đồng ý ly hôn và cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, tuy nhiên cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, nguyên nhân là anh B thường xuyên đi công tác, ít về nhà và không đồng ý hàn gắn tình cảm.

Kết quả xác minh tại gia đình chị Vân A và chính quyền địa phương nơi chị cư trú thể hiện anh chị có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng không được cải thiện. Điều này phù hợp với lời trình bày của các đương sự về việc mâu thuẫn đã kéo dài trong thời gian dài.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị Vân A mong muốn đoàn tụ nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2024, không còn quan tâm, chăm sóc nhau như vợ chồng; anh B kiên quyết xin ly hôn và xác định không còn tình cảm với chị Vân A. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng không đạt kết quả, thể hiện ý chí đoàn tụ chỉ xuất phát từ một phía. Việc duy trì quan hệ hôn nhân trong khi một bên không còn tình cảm, không có thiện chí tiếp tục xây dựng gia đình sẽ không đạt được mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, bền vững.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang B và chị Nguyễn Thị Vân A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quang B là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Quang B và chị Nguyễn Thị Vân A có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/7/2022 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 25/10/2024.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn; anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 8.000.000 đồng/tháng đối với cả hai cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cả hai cháu đều còn nhỏ, đặc biệt cháu Nguyễn Quang H sinh ngày 25/10/2024 chưa đủ 36 tháng tuổi; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cả hai cháu đều do chị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của các cháu ổn định. Việc giao hai cháu cho chị Vân A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng vừa phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự, vừa

bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, điều kiện chăm sóc và sự phát triển toàn diện của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu Nguyễn Minh K và cháu Nguyễn Quang H cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với việc anh Nguyễn Quang B tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 8.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng), chị Vân A không có ý kiến phản đối. Xét thấy sự tự nguyện này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nhà đất ở chung:

Anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vay nợ chung:

Anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Anh Nguyễn Quang B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Quang B và chị Nguyễn Thị Vân A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- *Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;*

- *Điều 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- *Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của Anh Nguyễn Quang B đối với chị Nguyễn Thị Vân A. Anh Nguyễn Quang B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân A.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Quang B và chị Nguyễn Thị Vân A có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/7/2022, giới tính: Nữ; Nguyễn Quang H, sinh ngày 25/10/2024, giới tính: Nam. Giao 02 con chung cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh B cấp dưỡng nuôi con với số tiền

8.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 7/2026 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) khỏe mạnh hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nhà đất ở chung:

Anh chị trình bày không có, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vay nợ chung:

Anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Anh Nguyễn Quang B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu số 0010190 ngày 24 tháng 04 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Quang B và chị Nguyễn Thị Vân A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- THADS TP. Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
(UBND phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Phương

